

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2021/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Thùy A** – sinh năm 1990.

Trú tại: Đường C 5, tổ 72, phường H, quận N, thành phố Đ.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Sinh D**, sinh năm: 1985

Trú tại: Đường C5, tổ 72, phường H, quận N, thành phố Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn T**, sinh năm 1954 và bà **Võ Thị D**, sinh năm 1954 –

Cùng trú tại: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: bà Huỳnh Thị Thùy A và ông Nguyễn Sinh D (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13/2017, đăng ký ngày 02/5/2017 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh H).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* bà Huỳnh Thị Thùy A và ông Nguyễn Sinh D thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Giao con chung Nguyễn Thanh H, sinh ngày 17/4/2018 cho bà Huỳnh Thị Thùy A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Sinh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 04/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của các đương sự đối với con chung được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung*: Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận giá trị tài sản chung là ngôi nhà tọa lạc tại lô 35-B2.72, đường C 5, tổ 72, phường H, quận N, thành phố Đ; có giá 3.108.263.744 đồng, trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất là 2.647.567.500 đồng. Giá trị các tài sản khác gắn liền với đất là 460.696.244 đồng theo chứng thư thẩm định giá ngày 25/3/2021 của Công ty thẩm định giá BTC Value.

- Giao ông Nguyễn Sinh D được quyền sử dụng và sở hữu đối với nhà và đất tọa lạc tại lô 35-B2.72, đường Cao Sơn 5, tổ 72, phường H, quận N, thành phố Đ.

Ông Nguyễn Sinh D có nghĩa vụ thời trả cho bà Huỳnh Thị Thùy An số tiền 1.021.906.872 đồng.

Thời gian và phương thức trả cụ thể như sau:

- Đến ngày 16/4/2021, ông Nguyễn Sinh D trả dứt điểm cho bà Huỳnh Thị Thùy An số tiền 1.021.906.872 đồng.

- Sau khi bà Huỳnh Thị Thùy An nhận đủ số tiền 1.021.906.872 thì có nghĩa vụ giao ngôi nhà tọa lạc tại lô 35-B2.72, đường Cao Sơn 5, tổ 72, phường H, quận N, thành phố Đ cho ông Nguyễn Sinh D.

- Nếu ông Nguyễn Sinh D vi phạm theo thỏa thuận nêu trên thì bà Huỳnh Thị Thùy An có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án toàn bộ số tiền trên một lần đối với số tiền chưa thanh toán.

- Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả tiền, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Sinh D được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xác lập quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở đối với ngôi nhà tọa lạc tại lô 35-B2.72, đường C 5, tổ 72, phường H, quận N, thành phố Đ theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp, thửa đất nằm trong diện bị Nhà nước thu hồi giải tỏa thì ông Nguyễn Sinh D được quyền liên hệ với ban quản lý dự án và Trung tâm phát triển quỹ đất để giải quyết các vấn đề liên quan đến giải tỏa, đền bù và bố trí tái định cư.

- Lệ phí thẩm định giá và xem xét thẩm định tại chỗ 17.500.000 đ, bà A và ông D cùng chịu, các bên chịu đã nộp đủ (được thối trừ xong).

- Về nợ chung: Không có.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 150.000đ bà A chịu.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: 150.000đ bà A tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà A đã nộp tại biên lai thu 0007083 ngày 09/11/2020 tại Chi Cục thi hành án dân sự quận N, thành phố Đ.

Án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Sinh D phải chịu 21,328,603 đồng

Bà Nguyễn Thị Thùy A phải chịu: 21.328.603đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây là 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 007082 ngày 09/11/2020 tại cơ quan Thi hành án dân sự quận N, TP Đ. Bà An còn phải tiếp tục 11.328.603 đồng.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn T và bà Võ Thị D.

Hoàn trả cho ông Nguyễn T và bà Võ Thị Diễn số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây là 22.191.750 đồng theo biên lai thu số 007202 ngày 08/3/2021 tại cơ quan Thi hành án dân sự quận N, TP Đ.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS quận N;
- UBND xã K, huyện K, tỉnh H;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Công Hoan